

Phụ lục II
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 THỊ XÃ BUÔN HỒ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Phường An Bình	Phường An Lạc	Phường Thiện An	Phường Đoàn Kết	Phường Bình Tân	Phường Thống Nhất	Phường Đạt Hiếu	Xã Ea Blang	Xã Ea Drông	Xã Ea Siên	Xã Bình Thuận	Xã Cư Bao
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	TỔNG DIỆN TÍCH		117,37		21,27		3,95	12,78	0,40	3,98			7,22	18,96	48,81
1	Đất nông nghiệp	NNP	115,95	-	20,11		3,95	12,76	0,40	3,94			7,22	18,96	48,61
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,65					0,60						2,05	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>													
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3,41		3,40					0,01					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	109,89		16,71		3,95	12,16	0,40	3,93			7,22	16,91	48,61
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,42		1,16			0,02		0,04					0,20
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,20												0,20
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,22		1,16			0,02		0,04					